

NGÔN NGỮ - VĂN HOÁ DÂN TỘC THIỂU SỐ

ĐỊA DANH CÓ NGUỒN GỐC CƠ TU Ở QUẢNG NAM

(phương thức định danh và đặc trưng văn hoá-lịch sử)

NGUYỄN HỮU HOÀNH

(TS, Viện Từ điển và Bách khoa thư VN)

1. Dẫn nhập

Theo số liệu thống kê dân số năm 1999, dân tộc Cơ Tu ở nước ta có 50.458 nhân khẩu. Phần lớn người Cơ Tu cư trú ở các huyện Đông Giang, Tây Giang và Nam Giang tỉnh Quảng Nam (37.310 người). Một bộ phận nhỏ hơn sống ở huyện Nam Đông, một vài xã thuộc huyện A Lưới tỉnh Thừa Thiên - Huế (12.178 người) và ở khu vực Hòa Phú thành phố Đà Nẵng (800 người). Ngoài lãnh thổ Việt Nam, dân tộc Cơ Tu còn có mặt ở các huyện Đắc Chung, KaLum tỉnh Xê Công và một số tỉnh khác như Salavan, Champasak thuộc nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.

Trong sự phân loại phổ hệ các ngôn ngữ ở Đông Nam Á, tiếng Cơ Tu là một thành viên của nhóm Katuic (thuộc nhóm này ở Việt Nam còn có các ngôn ngữ như Pa cô- Tà ôi, Bru-Vân Kiều), chi Môn-Khmer, ngữ hệ Nam Á (Austroasiatic). Về mặt loại hình, tiếng Cơ Tu là một ngôn ngữ đơn lập, cận âm tiết tính (sesquisyllable).

Những thập niên gần đây, tiếng Cơ Tu đã được các nhà khoa học rất quan tâm. Nhiều công trình nghiên cứu, biên soạn công phu về ngôn ngữ này đã được xuất bản. Tuy nhiên ở lĩnh vực nghiên cứu địa danh thì hầu như chưa có công trình nào đề cập đến một cách cơ bản. Tiến hành tìm hiểu các địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ Cơ Tu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam,

bài viết của chúng tôi muốn góp phần bù đắp khoảng trống này.

Do khuôn khổ của một báo cáo khoa học, khi tìm hiểu các địa danh có nguồn gốc tiếng Cơ Tu trên địa bàn tỉnh Quảng Nam, chúng tôi chỉ dừng lại ở hai khía cạnh: *phương thức định danh và các đặc trưng văn hóa-lịch sử được thể hiện qua địa danh*.

2. Phương thức định danh các địa danh Cơ Tu

Tìm hiểu phương thức định danh là tìm kiếm các phương pháp và các cách thức được sử dụng để đặt tên cho các đối tượng địa lí.

Trên cơ sở xem xét 495 địa danh tiếng Cơ Tu thu thập được tại ba huyện Nam Giang, Đông Giang, Tây Giang tỉnh Quảng Nam, chúng tôi thấy, để tạo ra các địa danh, người Cơ tu thường sử dụng hai phương thức sau :

- *Phương thức tạo mới.*

- *Phương thức chuyển danh.*

Mỗi phương thức có đặc điểm và những cách thức định danh khác nhau. Sau đây chúng ta sẽ lần lượt xem xét một cách cụ thể từng phương thức và các cách thức trong từng phương thức đó.

2.1. Phương thức tạo mới

Phương thức tạo mới là cách người Cơ Tu sử dụng các yếu tố ngôn ngữ có sẵn để tạo ra một tên gọi mới cho đối tượng.

Khi đặt một tên mới, về mặt lí thuyết, có thể có hai khả năng: *đặt tên vô đoán* và *đặt tên có lí do*. Các địa danh được đặt tên theo lối vô đoán là các địa danh mà người đọc không thể lí giải được ý nghĩa của các yếu tố tạo thành và vì thế cũng không giải thích được tại sao đối tượng địa lí ấy lại được gọi tên như vậy. Hiện nay số lượng các địa danh chưa thể lí giải được ý nghĩa của chúng là khá nhiều, ví dụ:

Toóm Talang (xã Bha lê, Tây Giang)

Toóm Chokér (thuộc thị trấn Pao, Đông Giang), v.v.

Các yếu tố, *Talang*, *Chokér* ở các phức thể địa danh trên hiện chưa lí giải được ý nghĩa, do vậy không thể tìm được ý nghĩa của các tên gọi này. Nếu loại trừ các trường hợp mà ý nghĩa ban đầu bị che lấp, bị mờ đi do yếu tố thời gian và những biến đổi khác thì rất có thể, trong số các địa danh này có những đơn vị được đặt tên một cách ngẫu nhiên. Tuy nhiên để tìm hiểu lí do của việc định danh thì những trường hợp này rõ ràng là không giúp ích gì.

Trên thực tế, phần lớn các địa danh đều được tạo ra dựa trên một lí do nhất định nào đó. Xem xét các địa danh đã được lí giải về mặt ý nghĩa, chúng tôi thấy việc đặt tên cho các đối tượng địa lí của đồng bào Cơ Tu thường dựa vào ba cơ sở sau:

- *Đặc điểm của chính bản thân đối tượng được gọi tên*

- *Mối quan hệ mật thiết của đối tượng với các đối tượng khác*

- *Tín ngưỡng của người đặt tên*

Xin lưu ý rằng, những cơ sở này cũng chính là các nhóm ngữ nghĩa được rút ra từ ý nghĩa của bản thân các yếu tố tham gia cấu tạo địa danh cũng như ý nghĩa của địa danh. Các nhóm ngữ nghĩa này trên thực tế được hiện thực hoá khá đa dạng. Sau đây, chúng ta sẽ tìm hiểu cụ thể các cách thức định danh vừa nêu.

2.1.1. Cách thức định danh dựa vào đặc điểm của chính bản thân đối tượng

Để gọi tên đối tượng, một trong những cách của dân tộc Cơ tu là căn cứ vào những đặc

điểm vốn có của chính đối tượng cần được gọi tên. Thông thường các đặc điểm sau đây hay được dùng để làm căn cứ cho việc đặt tên.

a) *Dựa vào đặc điểm về hình dáng, kích thước của đối tượng*

Ở xã A Vương huyện Tây Giang có một con suối được gọi là *Toóm Tagee* (suối *Tà Ghê*). Trong tiếng Cơ Tu, *Tagee* có nghĩa là *cái sừng*. Sở dĩ con suối này được gọi tên như vậy vì nó *uốn cong như cái sừng*. Cách định danh tương tự có thể tìm thấy ở các địa danh khác như:

Veel Choneet (*Choneet*: nhỏ, hẹp); *karung RaLang* (sông rộng, lớn, dài); *koong Rovăh* (núi quanh co, méo mó); *karung Bung* (sông to, nước chảy mạnh), v.v.

b) *Dựa vào màu sắc của đối tượng*

Ở huyện Đông Giang có một con sông được người kinh gọi là *sông Vàng*. Trong tiếng Cơ Tu, con sông này được gọi là *Karung bhrông* trong đó *bhrông* có nghĩa là *đỏ*. *Karung bhrông* nghĩa là con sông có nước màu đỏ. Tương tự như vậy *karung ramăng* là con sông có nước màu đen, không sạch.

c) *Dựa vào đặc điểm kiến tạo địa hình, chất liệu, thời gian tạo lập đối tượng.*

Kiểu đặt tên này có thể tìm thấy trong các địa danh như:

Koong Chăng (tiếng Cơ Tu *Koong* là *núi*; *Chăng* là *đá vôi*: đây là dãy núi toàn bằng đá vôi).

Toóm Katiêk (tiếng Cơ Tu *Katiêk* là *đất*; suối *Katiêk* là dòng suối được bắt nguồn, phát sinh từ lòng đất lên).

veel Tame (*Tame* là *mới*; *veel Tame* là thôn mới được thành lập).

2.1.2. Cơ sở định danh dựa vào mối quan hệ chặt chẽ giữa đối tượng được định danh và các đối tượng khác.

Gọi tên các đối tượng địa lí dựa trên cơ sở mối quan hệ của nó với các đối tượng khác là cách định danh phổ biến nhất. Có thể nói đây là cách định danh chủ yếu trong số các địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ Cơ Tu vùng Quảng Nam. Đi vào cụ thể, có thể thấy các

mối quan hệ sau đây thường được sử dụng là căn cứ.

a) Định danh các đối tượng dựa vào các loài thực vật đã và đang tồn tại trên đối tượng, ví dụ:

veel Prao: thôn cây chò (Prao).

karung Avuong: sông nhiều chuối (Avuong) dọc hai bên bờ.

veel Aróq (thôn Aró): thôn trồng nhiều khoai môn (aróq)

koong Areék (núi Aréc): dãy núi có nhiều cây mây (Areék).

b) Định danh các đối tượng dựa vào các loài động vật tiêu biểu đã và đang sinh sống trong phạm vi của đối tượng, ví dụ:

boóng Adhôn: Hang có nhiều dơi đang sinh sống (hang dơi)

tóom Apat: suối có nhiều cá Apat (một loại cá nhỏ, mình dẹt, vây dài).

veel Ariêu: thôn có rất nhiều chim chào mào (Ariêu) sinh sống

tóom Zolao: suối có nhiều giun (Zolao) - một loại giun sống ở suối.

c) Định danh đối tượng dựa vào các vật vô sinh tiêu biểu tồn tại trong phạm vi của đối tượng, ví dụ:

tóom Talu: suối có nhiều đá mài (Tà Lu)

tóom Akóp: suối có nhiều đá mềm (akóp) ở dưới đất trong lòng suối.

veel Lađang: thôn ở vùng toàn bãi đá (Lađang), v.v.

d) Định danh đối tượng dựa vào tên những người có công tạo lập, xây dựng hoặc có ảnh hưởng lớn đến sự tồn tại phát triển của đối tượng, ví dụ:

veel Bhoông (thôn Bhoông): Bhoông là tên người phụ nữ có công khai phá, gây dựng nên thôn.

karung Lãng: Lãng là tên người đến ở đầu tiên con sông này.

veel Dao (thôn Đào): Đào bắt nguồn từ Dao, tên già làng đầu tiên có công xây dựng nên thôn.v.v

e) Một số đối tượng địa lí được đặt tên dựa trên cơ sở các sự kiện tiêu biểu xảy ra trên đối

tượng hoặc nghề nghiệp có tính truyền thống, ví dụ:

veel Apô: Apô là thầy cúng (thôn có nhiều người hành nghề cúng bái).

xã Kơ-ool: Kơ-ool là đồ gốm (đây là nơi có loại đất làm đồ gốm tốt).

2.1.3. Cơ sở định danh dựa vào tín ngưỡng của người định danh

Trong số các địa danh Cơ Tu, có một số địa danh phản ánh thái độ tình cảm và sự nhận thức về mặt tín ngưỡng của người định danh, ví dụ:

koong Dang: Dang có nghĩa là thần (núi có thần thiêng).

tóom Atiêng: Atiêng có nghĩa là linh thiêng (dòng suối này là nơi rất linh thiêng, có nhiều vị thần ở).

tóom Zahaq: Zahaq là độc, không tốt, nơi có thần xấu (nơi “ma thiêng nước độc”) v.v.

Nhìn chung, số lượng các địa danh được xây dựng trên cơ sở dựa vào nguyện vọng, tâm lí, tình cảm và tín ngưỡng của người định danh là không nhiều. Những địa danh chứa đựng các yếu tố về mặt tín ngưỡng thường là các địa danh phản ánh các đối tượng địa lí thuộc địa hình tự nhiên và chủ yếu là tên các ngọn núi, dòng suối.

2.2. Phương thức chuyển hóa

Phương thức chuyển hóa là phương thức định danh được thực hiện bằng cách lấy tên gọi của một địa danh đã có để đặt tên cho một đối tượng địa lí mới.

Khi sử dụng một địa danh đã có để đặt tên cho một đối tượng địa lí mới có hai trường hợp thường xảy ra như sau:

- *Địa danh cũ được giữ nguyên.*

- *Thêm yếu tố mới để chuyển loại hình địa danh hoặc để phân biệt các đối tượng khác nhau được chia tách từ đối tượng cũ.*

Trường hợp thứ nhất thường được thực hiện dựa trên nguyên tắc tình cảm. Khi cư dân ở một địa phương này di cư đến một địa phương khác, vì lí do tình cảm, họ mang theo tên cũ của địa phương mà họ sinh sống trước đây để đặt tên cho nơi ở mới.

Trường hợp thứ hai thường được thực hiện dựa trên nguyên tắc quan hệ gần gũi mật thiết giữa đối tượng được định danh với các đối tượng khác. Như vậy, so với phương thức cấu tạo mới, cơ sở định danh ở phương thức này kém phong phú hơn và như chúng ta sẽ thấy, các cách thức cụ thể của nó cũng nghèo nàn hơn.

2.2.1. Cơ sở định danh dựa vào mối quan hệ giữa đối tượng được định danh và các đối tượng khác

Điều dễ nhận thấy nhất là, hầu hết các đơn vị cư dân (thôn, xã) tên các công trình nhân tạo trong vùng sinh sống của các dân tộc thiểu số đều được xác lập dựa trên cơ sở tên của các đối tượng địa lí thuộc địa hình tự nhiên. Đồng bào Cơ tu thường lấy tên các con suối, con sông, tên các ngọn núi, vùng đất để đặt tên cho các thôn, bản, xã, các công trình xây dựng nằm trên hoặc ở gần các đối tượng này. Chúng tôi đã tiến hành thống kê và thấy rằng, trong số 185 đơn vị cư dân (tên thôn, xã) ở hai huyện Đông Giang và Tây Giang thì có tới 114 tên các đơn vị này là xuất phát từ tên của các sông, suối, núi và các vùng đất nhỏ, tức là chiếm tới 61,6%, ví dụ:

toóm Kanom → *veel Kanom*; *toóm Kađe* → *veel Kađe*

toóm Zahúng → *xã Zà Hung*; *karung Avuong* → *xã A Vuong*

koong Kadăng → *xã Kà Dăng*, v.v.

Kiểu đặt địa danh theo lối chuyển loại này là một đặc điểm nổi trội và rất đáng được lưu ý. Về mặt ý nghĩa, cách lí giải ngữ nghĩa của các địa danh theo lối chuyển danh này hoàn toàn khác với các địa danh gốc ban đầu, vốn được tạo lập theo phương thức cấu tạo mới. Phân tích các ví dụ sau sẽ thấy rõ điều này:

Toóm Apat // *veel Apat*

Hai phức thể địa danh trên đều có chung thành phần địa danh *Apat* nhưng phức thể địa danh thứ nhất được sáng tạo bằng phương thức cấu tạo mới còn phức thể địa danh thứ hai được tạo nên bằng phương thức chuyển danh. Nếu trường hợp thứ nhất được giải thích là

suối có nhiều cá Apat thì trường hợp thứ hai phải được giải thích là *thôn này ở bên dòng suối Apat*. Như vậy cơ sở định danh của hai phức thể địa danh này khác nhau mặc dù chúng có chung thành phần địa danh.

2.2.2. Định danh đối tượng dựa vào quan hệ thứ tự của các đối tượng được tách ra từ một đối tượng cũ trước đây, ví dụ:

veel Azuông1; *veel Azuông 2*

veel Axanh1; *veel Axanh2*

2.2.3. Cơ sở định danh dựa vào nguyên vọng, tình cảm của người định danh

Như chúng tôi đã nói, cơ sở định danh này chủ yếu được thể hiện qua các địa danh mà người dân mang theo từ địa phương này sang địa phương khác trong quá trình di cư. Sự kiện đặt tên cho đối tượng địa lí mới theo cách lấy tên cũ của nơi mình đã từng gắn bó, sinh sống phản ánh thái độ trân trọng, tình cảm sâu nặng của họ đối với quê hương cũ. Có thể dẫn ra một ví dụ sau:

xã Bhalêê: Bhalêê là tên làng được đặt theo tên một dòng sông thuộc địa phận của Lào. Khi người Cơ Tu từ Lào sang Việt Nam, vào vùng Tây Giang thì mang theo tên cũ của Làng để đặt tên cho xã mới.

2.2.4. Trở lên, chúng tôi đã trình bày các phương thức định danh và các cách thức định danh cụ thể trong tiếng Cơ tu. Cũng xin nhắc lại rằng, do tình trạng hết sức khó khăn trong việc xem xét ý nghĩa của các yếu tố cấu thành địa danh cũng như ý nghĩa của chính địa danh cho nên những gì mà chúng tôi chỉ ra rất có thể là chưa đầy đủ. Chúng cần được tiếp tục tìm tòi và suy ngẫm. Ngay cả những trường hợp đã được giải thích về ý nghĩa thì khả năng sai sót vẫn có thể xảy ra.

3. Đặc trưng văn hoá - lịch sử thể hiện qua địa danh

Như chúng ta đã biết, văn hoá là một hợp thể của nhiều thành tố và nó được thể hiện ở ba phương diện chủ yếu: văn hoá sinh hoạt, văn hoá sản xuất và văn hoá vũ trang. Dĩ nhiên, với bộ phận địa danh, không phải tất cả các đặc trưng văn hoá được thể hiện thông qua

ba phương diện trên đều có thể tìm thấy ở trong đó. Việc tìm hiểu các địa danh có nguồn gốc ngôn ngữ các dân tộc cho phép chúng tôi đi đến một số nhận thức như sau:

3.1. Trong số các phức thể địa danh được dùng để gọi tên các đơn vị dân cư, tuyệt nhiên chúng ta không tìm thấy bất cứ một thành tố chung nào bằng tiếng Cơ Tu được dùng để gọi tên các đơn vị trên làng (thôn). Tất cả các đơn vị này, nếu có, đều được vay mượn từ tiếng Việt (ví dụ: xã, huyện...). Đơn vị dân cư duy nhất có thành tố chung là làng(thôn). Trong tiếng Cơ Tu đơn vị này được gọi bằng ba từ khác nhau là: *veel*, *buol*, *krnon*. Như vậy có thể khẳng định rằng, về mặt tổ chức xã hội, đối với người Cơ tu, làng (thôn) là đơn vị xã hội, đơn vị dân cư cổ truyền duy nhất.

3.2. Đối với các phức thể địa danh thuộc loại hình tự nhiên, các thành tố chung mà chúng ta gặp nhiều nhất là: *núi*; *đồi*; *suối*; *sông* (tiếng Cơ Tu là *Kakoong*, *bôl*, *toóm*, *karung*) các loại địa hình khác xuất hiện rất hãn hữu. Điều này cho thấy, *nơi sinh sống của các dân tộc là một vùng địa hình hiểm trở chủ yếu là sông, suối, núi, đồi*.

3.3. Ở phần 2 chúng tôi đã chỉ ra rằng, phần lớn tên các đơn vị dân cư đều được đặt theo tên các dòng sông, suối và phần nào là tên các ngọn núi, cây cối, ở gần kề hoặc ở trên vùng đất của đơn vị đó. Như vậy, về phương diện sinh hoạt, *địa bàn cư trú của người Cơ tu luôn gắn liền với các dòng sông, dòng suối: Làng đi liền với suối, sông*. Mặt khác, cách đặt tên như vậy cũng cho thấy một đặc điểm hết sức nổi bật của làng (thôn) ở vùng Cơ Tu: *mỗi làng thường được đánh dấu bằng một dòng sông, suối, một ngọn núi, đồi hay một cây cổ thụ nào đó*.

3.4. Trong số các phức thể địa danh chỉ các đơn vị dân cư đã được xem xét, có một bộ phận mà tên riêng của chúng không gắn với các đối tượng địa lí trong vùng mà gắn với các đối tượng địa lí ở những vùng khác. *Đây rõ ràng là những bằng chứng hết sức thuyết phục về những đợt di cư của các dân tộc*. Nó cho

phép chúng ta truy nguyên lại nơi cư trú đầu tiên của cư dân các đơn vị này

3.5. Bên cạnh những địa danh như vừa phân tích ở trên, chúng ta cũng thấy rõ là, có khá nhiều địa danh (tên làng) được đặt theo tên của các già làng, những người có công, có uy tín đối với Làng. Điều này cũng có nghĩa là, *trong xã hội của người Cơ tu, vai trò của các vị già làng rất được coi trọng*. Trên thực tế đây là nhân vật mà tiếng nói của họ có vai trò quyết định đối với các việc hệ trọng của làng.

3.6. Một điều đặc biệt khác cũng rất dễ nhận ra là, *trong các địa danh Cơ tu hầu như không có một địa danh nào liên quan đến hoạt động tôn giáo, kiểu như: nhà thờ, chùa ở trong tiếng Việt*. Rõ ràng, cho đến tận ngày nay, *xã hội của người Cơ Tu vẫn là một xã hội phi tôn giáo*.

Ngược lại, văn hoá tín ngưỡng lại được thể hiện khá rõ qua các địa danh như *Koong Dang* (núi thần, núi trời), *suối Atieng* (suối linh thiêng) *Koong Akóq abhurop* (núi đầu ông - nơi được coi là linh thiêng của người Cơ Tu trong vùng), v.v.

3.7. Hầu hết tên sông, suối, núi, đồi, cây, cỏ, động vật trong vùng người Cơ tu sinh sống đều bằng tiếng Cơ tu. Điều đó chứng tỏ rằng, *dân tộc Cơ tu là cư dân bản địa, là chủ nhân của vùng đất này từ lâu đời*.

Tuy nhiên, có một thực tế cũng rất rõ ràng là đến nay các địa danh ở đây đã có sự pha tạp, thâm nhập hết sức phức tạp đến từ tiếng Việt. Ai cũng dễ nhận thấy đã có một sự giao lưu, tiếp xúc văn hoá khá sâu sắc, toàn diện giữa người kinh và đồng bào các dân tộc ở đây và trong sự tiếp xúc giao lưu này tiếng Việt đang ngày càng có xu thế lấn át ngôn ngữ các dân tộc thiểu số.

Tình trạng một đối tượng địa lí có hai tên gọi khác nhau một tên gọi bằng tiếng các dân tộc bản địa, một tên gọi bằng tiếng Việt kiểu như *thôn Tổng Cói/ thôn Dhomong; thôn Phú Sơn/ thôn Garoong*, v.v. và hiện tượng “Việt hoá” các tên gọi bằng tiếng dân tộc đã và đang trở thành phổ biến.

4. Một vài kết luận

Qua những nội dung đã được trình bày ở trên, bước đầu có thể nêu lên một số kết luận như sau:

4.1. Trong số các nguyên tắc định danh đã được người Cơ Tu sử dụng thì nguyên tắc dựa vào mối quan hệ giữa đối tượng được định danh với các đối tượng khác là nguyên tắc được ưa dùng nhất. Đây cũng là nguyên tắc có sự phong phú nhất về các lí do cụ thể của cơ sở định danh.

4.2. Mỗi loại hình địa danh khác nhau thường có những cách thức định danh cụ thể khác nhau. Xu hướng chung là, loại hình địa danh chỉ các đơn vị dân cư, các công trình nhân tạo thường được định danh một cách gián tiếp thông qua tên gọi của các đối tượng địa lí thuộc loại hình địa danh tự nhiên có quan hệ mật thiết về không gian với đối tượng được định danh. Còn các địa danh thuộc loại hình tự nhiên thường được định danh một cách trực tiếp thông qua các đặc điểm vốn có của chúng hoặc thông qua các sự vật, sự kiện đã và đang tồn tại ở trong chúng.

4.3. So với các địa danh của tiếng Việt thì các cơ sở định danh cụ thể của địa danh Cơ tu nghèo nàn hơn rất nhiều. Rất nhiều cơ sở định danh trong tiếng Việt chưa thấy xuất hiện trong các địa danh Cơ Tu. Chẳng hạn, trong số các địa danh đã tìm thấy hầu như không có một địa danh nào có ý nghĩa phản ánh nguyện vọng của đồng bào. Các địa danh kiểu như “*Bình An*”, “*Phước Lộc*”, “*Thắng Lợi*”, “*Bình Phước*”...như trong tiếng Việt là hoàn toàn không có.

4.4. Việc tìm hiểu các đặc trưng văn hóa - lịch sử của dân tộc Cơ Tu thông qua các địa danh của họ một lần nữa cho thấy, để nhận thức một cách đầy đủ các đặc trưng này của một dân tộc hay một vùng miền nào đó thì bộ phận địa danh là nguồn tư liệu hết sức hữu ích

và đầy thú vị: “nhân tố đại diện và bảo tồn phần lớn thông tin văn hóa”.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Văn Âu (1993), *Địa danh Việt Nam*, NXB Giáo dục, Hà Nội.
2. Nguyễn Văn Âu (2000), *Một số vấn đề về địa danh học Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
3. Trần Trí Dõi (2001), *Vấn đề địa danh biên giới Tây Nam: một vài nhận xét và những kiến nghị*, *Ngôn ngữ và sự phát triển văn hóa xã hội*, NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Lê Trung Hoa (1991), *Địa danh ở Thành phố Hồ Chí Minh*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
5. Lê Trung Hoa (2002), *Các phương pháp cơ bản trong việc nghiên cứu địa danh*, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 7, trang 8 - 11.
6. Nguyễn Hữu Hoàn (1995), *Tiếng Katu (cấu tạo từ)*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Hữu Hoàn, Nguyễn Văn Lợi (1998), *Tiếng Katu*, NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội.
8. Từ Thu Mai (2004), *Nghiên cứu địa danh Quảng Trị*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
9. Hoàng Tất Thắng (2003), *Địa danh ở Đà Nẵng từ cách tiếp cận Ngôn ngữ học*, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 2, trang 58 - 64.
10. Lý Toàn Thắng (1999), *Giới thiệu giả thuyết “tính tương đối ngôn ngữ” của Sapir-Whorf*, *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 4.
11. Nguyễn Kiên Trường (1996), *Những đặc điểm chính của địa danh Hải Phòng (trong vài nét đối sánh với địa danh ở Việt Nam)*, Luận án Phó Tiến sĩ Khoa học Ngữ văn, Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội.
12. Đặng Nghiêm Vạn (chủ biên) (2005), *Tìm hiểu con người miền núi Quảng Nam*, NXB Quảng Nam.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 10-06-2011)